TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 101/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lựu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến; Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Yến Linh - Thư ký Tòa án.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 354/2022/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 81/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Bà Trương Thị L, sinh năm 1971.

Địa chỉ: ấp T H 1, xã T T, huyện B Đ, tỉnh B T.

(Bà L có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 28/7/2022)

- **Bị đơn**: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 025/PL, ấp P L, xã P N, huyện B T, tỉnh T.

Địa chỉ liên hệ: Đường số 2, Khu đô thị V S, thị trấn BT, huyện B T, tỉnh T.

(Ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần để xét xử nhưng không đến).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:

Bà và ông T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi (nay là xã Phước Ngãi), huyện Ba Tri vào ngày 30/9/1994, hôn nhân do mai mối. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm nhưng đến

đầu năm 2022 thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông T chửi bới xúi phạm bà L và gia đình của bà về vấn đề tiền bạc, bà bị bệnh nhưng ông T cũng không quan T chăm sóc nên dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Hiện tại bà đã không còn tình cảm với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông T có có 02 người con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1993 và Nguyễn T Tân, sinh năm 1998. Hiện hai con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Theo bản khai ngày 05/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông và bà L có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi (nay là xã Phước Ngãi), huyện Ba Tri vào ngày 30/9/1994. Hôn nhân do mai mối, vợ chồng sống hạnh phúc được 28 năm đến đầu năm 2022 xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông nhậu nhẹt về nhà có chửi bới xúc phạm bà L và gia đình bên bà L nhưng ông đã biết lỗi và có xin lỗi bà L để hàn gắn tình cảm. Tuy nhiên, bà L vẫn cương quyết đòi ly hôn với ông. Nay bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con mong muốn gia đình đoàn tụ, hạnh phúc.

Về con chung: Giữa ông và bà L có 02 người con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1993 và Nguyễn T Tân, sinh năm 1998. Hiện hai con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống được.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông và bà L không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trương Thị L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn T có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Ngãi (nay là xã Phước Ngãi), huyện Ba Tri vào ngày 30/9/1994. Hôn nhân của ông bà là do mai mối nhưng ông bà cũng đồng ý mối quan hệ hôn nhân này nên được pháp luật công nhận, bảo vệ. Bà L cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 20 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T chửi bới xúc phạm bà L và gia đình của bà về vấn đề tiền bạc, bà bị bệnh nhưng ông T cũng không quan T chăm sóc nên dần dần vợ chồng không còn tình cảm. Bà và ông T đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Chính

ông T cũng thống nhất với lời trình bày bà L về thời gian kết hôn, nơi đăng ký kết hôn cũng như nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân. Ông T thừa nhận ông là người có lỗi nhưng ông đã thật sự hối hận và có xin lỗi bà L để vợ chồng đoàn tụ nhưng bà L không đồng ý vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với ông. Từ những vấn đề trên, Hội đồng xét xử thấy rằng: Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "... Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan T, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình..."Tuy nhiên, giữa bà L và ông T thật sự đã xảy ra mâu thuẫn, gia đình không còn hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, ông bà đã ly thân với nhau từ đầu năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân hai bên không thể hàn gắn tình cảm được. Trong quá trình xét xử Tòa án đã tống đạt cho ông T 02 lần nhưng ông đều không đến, chứng tỏ ông không có thiện chí hàn gắn. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu xin ly hôn của bà L là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Giữa bà L và ông T có 02 người con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1993 và Nguyễn T Tân, sinh năm 1998. Hiện hai con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[3] Về tài sản chung: Bà L và ông T đều trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung: Bà L và ông T đều trình bày không có, nên không xét đến.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28; 35; 39; 147; 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị L đối với ông Nguyễn Văn T, cụ thể:

[1.1] Về hôn nhân: Bà Trương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

[1.2] Về con chung: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn T có 02 người con chung tên Nguyễn Thành T, sinh năm 1993 và Nguyễn T Tân, sinh năm 1998. Hiện hai

con đã trưởng thành có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

[1.3] Về tài sản chung: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn T trình bày hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về nợ chung: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn T trình bày không có.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Trương Thị L phải chịu là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004100 ngày 06 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Bà Trương Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Bà Trương Thị L ông Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Phước Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lựu